TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 2263/2025/DS-ST
Ngày: 29/9/2025
V/v: "tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Phạm Việt Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Diệu Huệ;

2. Ông Hoàng Công Hợp.

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Kim Cương, là thư ký Tòa án nhân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: bà Trịnh Thị Diệu Thuỳ – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1392/2024/TLST – DS ngày 25 tháng 11 năm 2024 về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 465/2025/QĐXXST-DS ngày 06/8/2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 426/2025/QĐST-DS ngày 03/9/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông ĐTV, sinh năm 19xx; Địa chỉ: số aa đường TC, phường TB (tên cũ: Phường aa, quận TB), Thành phố H.

Người đại diện theo uỷ quyền: ông TTB, sinh năm 19xx (có đơn xin vắng mặt) và bà DHL, sinh năm 19xx (có đơn xin vắng mặt); Cùng địa chỉ: số bb đường TTT, phường BT (tên cũ: phường BT, Quận bb), Thành phố H.

2. Bị đơn: ông NDV1, sinh năm 19xx (vắng mặt);

Địa chỉ thường trú: cc chung cư HKTG, số cc đường TPP, phường BTĐ (tên cũ: phường BTĐ, quận BT), Thành phố H.

Địa chỉ khác: số dd đường LVQ, phường BHH (tên cũ: phường BHHA, quận BT), Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và bản tự khai của các bên đương sự tại Tòa cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được xác định như sau:

1. Nguyên đơn là ông ĐTV có người đại diện theo uỷ quyền trình bày:

Nguyên trước đây, ông NDV1 có ký Giấy vay tiền ông ĐTV. Theo đó, ông ĐTV cho ông V1 vay số tiền là 4.000.000.000 đồng, mức lãi suất thỏa thuận là 1%/tháng (thỏa thuận miệng), ông V1 cam kết sẽ trả lãi vào ngày 10 và ngày 20 hàng tháng. Ông V đã chuyển khoản nhiều lần số tiền vay cho ông V1 từ số tài khoản 19xx của ông V tại ngân hàng Techcombank vào số tài khoản 19xx, Ngân hàng Techcombank, chủ tài khoản là ông NDV1. Cụ thể những lần chuyển khoản như sau:

Ngày chuyển khoản	**Số tiền**	**Nội dung chuyển khoản**
25/02/2019	300.000.000	V1 muon 300tr chuyen phi
27/02/2019	300.000.000	V1 muon them 300tr chuyen phi
30/6/2019	400.000.000	V1 muon 400tr chuyen phi
20/8/2019	600.000.000	V1 muon 600tr chuyen phi
26/8/2019	400.000.000	V1 muon 400tr chuyen phi
25/11/2019	2.000.000.000	V1 vay 2ty chuyen phi khach hang
TỔNG	4.000.000.000	

Kể từ khi nhận được số tiền vay đến tháng 7/2021, ông V1 có trả một phần tiền lãi bằng hình thức chuyển khoản với số tiền 342.000.000 đồng từ số tài khoản 19xx, ngân hàng Techcombank, chủ tài khoản là ông NDV1 đến tài khoản số 19028300581016, ngân hàng Techcombank, chủ tài khoản là ĐTV. Cụ thể những lần chuyển tiền lãi bằng hình thức chuyển khoản như sau:

Ngày chuyển khoản	Số tiền	Nội dung chuyển khoản
22/03/2019	20.000.000	V1 gui V tien lai ap phi cuoi thang 2
19/5/2019	50.000.000	V1 gui lai V
9/7/2019	48.000.000	V1 gui
9/8/2019	48.000.000	V1 gui Vuong
11/9/2019	20.000.000	V1 gui lai cua cuc 600 va 400 cho muon thang 8
11/10/2019	78.000.000	V1 gui V
11/11/2019	78.000.000	V1 gui
Tổng	342.000.000	

Sau ngày 25/11/2019, ông V và ông V1 có lập giấy vay tiền, theo đó ông V1xác nhận còn nợ ông V 4.000.000.000 đồng (bốn tỷ đồng). Sau thời điểm này, ông V1 vẫn tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả lãi cho ông V, cụ thể như sau:

Ngày chuyển khoản	Số tiền	Nội dung chuyển khoản
10/12/2019	78.000.000	V1 gui lai
10/01/2020	78.000.000	V1 gui Vuong
20/01/2020	27.600.000	V1 gui ky 20 hang thang
10/02/2020	78.000.000	V1 gui
21/02/2020	45.000.000	Anh V1 gui anh V
10/03/2020	78.000.000	V1 gui
10/4/2020	68.000.000	V1 gui
10/5/2020	78.000.000	V1 gui
10/6/2020	41.600.000	V1
20/6/2020	24.500.000	V1 gui
10/7/2020	78.000.000	V1
20/8/2020	45.000.000	V1
20/9/2020	45.000.000	V1 gui V
20/10/2020	45.000.000	V1 gui V
20/11/2020	46.000.000	V1 gui V
20/12/2020	45.000.000	V1
10/01/2021	60.000.000	V1 gui V
10/02/2021	60.000.000	V1 gui V
10/03/2021	60.000.000	V1 gui V
10/4/2021	60.000.000	V1 gui V
10/5/2021	54.300.000	V1
10/6/2021	39.000.000	V1 gui V
20/6/2021	40.000.000	V1 gui V
Tổng	1.274.000.000	

Tuy nhiên, từ tháng 07/2021, ông V1 không còn tiếp tục trả tiền lãi, phần tiền lãi ông V1 đã trả đó không cấn trừ vào nợ gốc, thời gian trả lãi là từ 22/03/2019 đến 20/6/2021. Còn về số tiền nợ gốc thì ông V1 không trả cho ông V. Ông V đã nhiều lần liên hệ ông V1 để yêu cầu ông V1 trả tiền vốn vay và tiền lãi nhưng ông V1 trốn tránh, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Tại Toà án, ông ĐTV yêu cầu:

- Buộc ông NDV1 phải trả cho ông ĐTV số tiền nợ gốc là 4.000.000.000 đồng.

- Buộc ông NDV1 phải trả cho ông ĐTV số tiền nợ lãi tạm tính từ ngày 01/7/2021 đến ngày 01/7/2025 (48 tháng) là 1.920.000.000 đồng.

Ông V xác định số tiền ông V cho ông V1 vay là tài sản riêng của ông V. Ông V chỉ yêu cầu cá nhân ông V1 trả số tiền gốc cho ông V mà không yêu cầu ai khác liên đới trả nợ. Ông V không yêu cầu Tòa án triệu tập thêm ai khác tham gia tố tụng.

Về địa chỉ của ông NDV1: khi vay tiền thì ông V1 cung cấp địa chỉ tại số dd đường LVQ, phường BHH (tên cũ: phường BHHA, quận BT), Thành phố H, sau đó thì ông V được biết địa chỉ khác của ông V1 là tại cc chung cư HKTG, số cc đường TPP, phường BTĐ (tên cũ: phường BTĐ, quận BT), Thành phố H. Ông V1 chưa thông báo cho ông V biết ông V1 thay đổi địa chỉ nơi cư trú nên ông V không có địa chỉ nào khác cung cấp cho Tòa án.

2. Bị đơn là ông NDV1: vắng mặt, không có yêu cầu phản tố.

** Tại phiên tòa:*

- Đại điện ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn ông NDV1 đã được Toà án tống đạt hợp lệ, nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa vẫn vắng mặt không có lý do và không có yêu cầu phản tố.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử thực hiện đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tư cách của người tham gia tố tụng tuân thủ theo đúng quy định của Điều 70, 71, 72, 234 Bộ luật Tố tụng Dân sự; tuy nhiên thời hạn giải quyết chưa đảm bảo theo quy định. Về nội dung của vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và công bố các yêu cầu, tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

Tranh chấp giữa nguyên đơn với bị đơn là tranh chấp dân sự phát sinh từ Giấy vay tiền. Theo Giấy vay tiền thì ông NDV1 cung cấp địa chỉ tại dd đường LVQ, khu phố dd, phường BTĐ (tên cũ: phường BTĐ, quận BT), Thành phố H. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh về cư trú đối với bị đơn tại Công an phường BTĐ, Thành phố H thì ông NDV1, sinh ngày dd/mm/19yy có hộ khẩu thường trú tại cc chung cư HKTG, số cc đường TPP, phường BTĐ (tên cũ: phường BTĐ, quận BT), Thành phố H đã bán nhà năm 2019, đã bỏ đi đâu không rõ cho đến nay; ông NDV1 không đăng ký thường trú, không đăng ký tạm trú, không thực tế cư trú tại số dd đường LVQ, khu phố dd, phường BTĐ, Thành phố H. Như vậy người khởi kiện được coi là đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện; người bị kiện thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú

mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40 Bộ luật Dân sự năm 2015 và điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì được coi là cố tình giấu địa chỉ.

Do đó, Toà án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông NDV1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt; đại diện ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt; nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và nguyên đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ NDV1 để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật nhưng ông V1 vẫn vắng mặt không có lý do, nên không chứng minh được theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, thì: *"Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh"*. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào yêu cầu khởi kiện, lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết vụ án.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ Giấy vay tiền của bị đơn viết, ký tên và các lần chuyển khoản cho vay, trả lãi giữa nguyên đơn với bị đơn, cũng như lời trình bày của nguyên đơn thì có căn cứ xác định bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền 4.000.000.000 đồng, có thoả thuận và trả lãi suất đến ngày 20/6/2021 thì ngưng. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định bị đơn có vay tiền của nguyên đơn, đã hết thời hạn trả nợ vay theo thỏa thuận cũng như thông báo đòi nợ nhưng bị đơn vẫn không trả số tiền đã vay của nguyên đơn. Căn cứ Điều 463, Điều 465, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định nghĩa vụ trả nợ của bên vay là trả đủ số tiền và đúng hạn. Tuy nhiên, đã quá thời hạn thanh toán theo thỏa thuận mà bị đơn không trả nợ là vi phạm nghĩa vụ của bên vay, gây thiệt hại cho phía nguyên đơn. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông NDV1 trả cho ông ĐTV số tiền nợ gốc là 4.000.000.000 đồng theo Giấy vay tiền bị đơn viết, ký.

Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc ông NDV1 phải trả tiền lãi tính từ ngày 01/7/2021 đến thời điểm Tòa án xét xử. Căn cứ khoản 5 Điều 466, khoản 1 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu tính lãi của nguyên đơn phù hợp với quy định của pháp luật và có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc NDV1 trả cho ông ĐTV số tiền lãi theo giấy vay tiền tính lãi từ ngày 01/7/2021 đến ngày xét xử là 4.000.000.000 đồng x 51 tháng x 10%/năm = 1.700.000.000 đồng.

Tổng số tiền mà ông NDV1 phải trả cho ông ĐTV là 4.000.000.000 đồng + 1.700.000.000 đồng = 5.700.000.000 đồng.

[3] Đại diện của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp

với các chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày, tranh luận của các đương sự tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] *Về án phí:*

- Ông NDV1 phải chịu 113.700.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm cho phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận;

- Hoàn lại cho ông ĐTV số tiền tạm ứng án phí 57.200.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0048463 ngày 25/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 465, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông ĐTV đối với ông NDV1 liên quan đến Giấy vay tiền (có nội dung "mượn của anh ĐTV 4.000.000.000 đồng..."):

Buộc ông NDV1 trả cho ông ĐTV tổng số tiền là 5.700.000.000 đồng (năm tỷ, bảy trăm triệu đồng); trong đó nợ gốc là 4.000.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 01/7/2021 đến ngày Toà án xét xử là 1.700.000.000 đồng. Trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật;

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 01/10/2025) cho đến khi thi hành án xong, ông NDV1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Các bên thi hành tại Cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

2. Về án phí:

- Ông NDV1 nộp số tiền án phí là 113.700.000 đồng (một trăm mười ba triệu, bảy trăm nghìn đồng).

- Hoàn lại cho ông ĐTV số tiền 57.200.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0048463 ngày 25/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc bản án sơ thẩm được niêm yết, để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Viện Kiểm sát cùng cấp và cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- VKSND KV9 TPHCM;
- THADS TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Việt Hải